TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1071/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thanh Minh

2. Ông Hà Đức Kiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2016/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2016 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3057/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lam T Q, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: Ave # 10 Santa Ana CA 92704, USA.

Bà Phạm Thị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/6/2016 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lam T Q quen biết nhau vào năm 2010. Sau thời gian tìm hiểu, hai người tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 2973, Quyển số 15 ngày 17/12/2014. Sau đó hai người chung sống với nhau đến ngày 25/12/2014 thì ông Lam T Q quay về Hoa Kỳ và không còn liên lạc với bà từ đó đến nay. Do

khoảng cách địa lý, tình cảm giữa hai bên không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lam T Q. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông Lam T Q, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập hợp lệ: Tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông Lam T Q có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 814/TTTPDS-TA ngày 02/8/2016). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Theo đó, Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ đã gửi thông báo cho bị đơn, đồng thời niêm yết hồ sơ tại trụ sở Tổng lãnh sự quán. Nhưng cho đến nay, ông Lam T Q vẫn không có văn bản trả lời cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị D, Hội đồng xét xử nhận thấy bà D và ông Lam T Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Lam T Q hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai; thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Phạm Thị D yêu cầu ly hôn ông Lam T Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà Phạm Thị D (bà D cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì thực tế sau khi kết hôn bà D và ông Lam T Q chỉ chung sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Ngày 25/12/2014 ông Lam T Q quay trở về Hoa Kỳ và từ đó đến nay hai bên không còn liên lạc với nhau nữa. Hiện nay bà D và ông Lam T Q đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D yêu cầu ly hôn với ông Lam T Q là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà D ly hôn với ông Lam T Q là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phạm Thị D khai không có, Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, bà D chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị D được ly hôn với ông Lam T Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 2973, Quyển số 15 ngày 17/12/2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Phạm Thị D và ông Lam T Q không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phạm Thị D khai không có, Tòa không xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, bà Phạm Thị D chịu và được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng mà bà D đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2011/02954, ngày 16/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

4. Bà Phạm Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Lam T Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao